

PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỐI - KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

Trần Thu Phương¹

Email: phuongtt@hou.edu.vn, ORCID: 0009-0009-4616-7264

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 06/10/2025.

Ngày phản biện đánh giá: 06/04/2026.

Ngày bài báo được duyệt đăng: 21/04/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1230

Tóm tắt: Du lịch tối hiện đang trở thành một lĩnh vực nghiên cứu quan trọng trong quản trị điểm đến, đòi hỏi sự cân bằng giữa khai thác di sản đau thương và tôn trọng giá trị nhân văn. Nghiên cứu này tập trung vận dụng khung lý thuyết “Phổ du lịch tối” của Philip Stone (2006) để phân tích các tiêu chí cốt lõi phân định mức độ sáng tối của điểm đến. Thông qua phương pháp hồi cứu tài liệu và phân tích trường hợp, bài viết đánh giá một số kinh nghiệm quản lý thành công du lịch tối tại Ba Lan, Mỹ và Ukraine. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc phát triển du lịch tối nhằm đảm bảo tính đạo đức, sự tôn nghiêm và nâng cao trải nghiệm cảm xúc cho du khách.

Từ khóa: du lịch tối, Philip Stone, phổ du lịch tối, kinh nghiệm quốc tế, Việt Nam

I. Đặt vấn đề

Du lịch tối (dark tourism) đang ngày càng trở thành một chủ đề nghiên cứu quan trọng trong khoa học du lịch, đánh dấu sự chuyển dịch nhu cầu của du khách từ các hình thức tham quan giải trí thuần túy sang các trải nghiệm mang tính chiêm nghiệm, tưởng niệm và nhận thức đạo đức. Tại Việt Nam, tiềm năng phát triển loại hình du lịch này là rất lớn nhờ sở hữu hệ thống di sản phong phú như các di tích chiến tranh, nhà tù, bảo tàng và nghĩa trang liệt sĩ gắn với chiều dài lịch sử bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, việc khai thác các không gian di sản nhạy cảm này hiện nay

phần nhiều còn mang tính tự phát, thiếu khung định hướng và các mô hình quản trị chuyên nghiệp. Về phương diện học thuật, đa số các nghiên cứu tại Việt Nam mới chỉ dừng lại ở mức độ mô tả hiện trạng hoặc tổng hợp tài liệu, để ngỏ một khoảng trống lớn về việc vận dụng các khung lý thuyết quốc tế nhằm đề xuất các giải pháp quản trị ứng dụng và chính sách phát triển. Do đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm hệ thống hóa khung phân tích “Phổ du lịch tối”, từ đó đối chiếu với kinh nghiệm quốc tế để rút ra các bài học quản trị có tính thích ứng cao cho Việt Nam, giúp định hướng phát triển du lịch di sản theo hướng nhân văn, bền vững và có trách nhiệm.

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

II. Cơ sở lý luận

2.1. Du lịch tối

Du lịch tối là một loại hình du lịch phức hợp và đa diện, không chỉ đơn thuần là việc tiêu dùng các sản phẩm liên quan đến cái chết mà còn là sự giao thoa giữa lịch sử, ký ức và trải nghiệm cảm xúc của cá nhân trong bối cảnh các sự kiện đau thương (Lennon & Foley, 2000; Stone, 2006). Nó đại diện cho một phương thức tương tác văn hóa đặc thù, nơi con người tìm kiếm sự thấu cảm, sự thức tỉnh về đạo đức và sự kết nối với quá khứ thông qua những di sản của bi kịch (Sharpley & Stone, 2009).

2.2. Phát triển du lịch tối

Phát triển du lịch tối được hiểu là quá trình quy hoạch, thiết kế, đầu tư và quản lý các không gian liên quan đến bi kịch, thảm họa hoặc cái chết trong quá khứ trở thành những điểm đến phục vụ mục đích tham quan, giáo dục và tưởng niệm của du khách (Lennon & Foley, 2000; Sharpley & Stone, 2009). Để phát triển du lịch tối thành công, điểm đến cần đáp ứng một số điều kiện cơ bản:

- Tính xác thực của tài nguyên di sản: Đảm bảo tính nguyên bản và chân thực của các bằng chứng lịch sử (Sharpley & Stone, 2009);

- Sự đồng thuận và tham gia của cộng đồng: Đặc biệt là sự chấp thuận từ phía nạn nhân hoặc những người có liên quan trực tiếp đến sự kiện (Mowatt & Chancellor, 2011);

- Hệ thống cơ sở hạ tầng và dịch vụ diễn giải phù hợp: Công tác thuyết minh, diễn giải phải chuyển tải được thông điệp lịch sử một cách tinh tế (Stone, 2006);

- Cơ chế quản trị đạo đức: Nhằm cân bằng giữa việc khai thác giá trị kinh tế và bảo tồn sự tôn nghiêm của không gian ký ức, tránh việc thương mại hóa quá mức (Stone, 2012; Hartmann, 2014).

2.3. Phổ du lịch tối

Phổ du lịch tối được đề xuất bởi Philip Stone (2006). Stone lập luận rằng du lịch tối không phải là một khái niệm đơn khối, mà là một dải liên tục các trải nghiệm và địa điểm khác nhau, biến thiên dựa trên bản chất của địa danh, mục đích của nhà quản lý và cường độ cảm xúc của du khách.

Phổ du lịch tối phân loại các điểm đến dựa trên trục tọa độ từ “Tối nhạt” (Lightest) đến “Tối đậm” (Darkest) với 6 loại hình cụ thể từ nhạt nhất đến đậm nhất như sau:

i. Địa điểm giải trí tối

Đây là những địa điểm mang tính thương mại cao, tập trung vào yếu tố giải trí và sự tò mò hơn là giá trị lịch sử thực tế. Những địa điểm này thường là các sản phẩm được dàn dựng, có tính giả định cao. Ví dụ: Các ngôi nhà ma, công viên chủ đề kinh dị.

ii. Triển lãm tối

Loại hình này nằm ở khoảng giữa của phổ, nơi các hiện vật liên quan đến cái chết được trưng bày với mục đích giáo dục hoặc tưởng niệm nhưng vẫn có sự can thiệp lớn của thiết kế trưng bày. Những điểm này mang tính học thuật, thường nằm trong các bảo tàng. Ví dụ: Các bảo tàng y học trưng bày mẫu vật cơ thể người hoặc các triển lãm về tội ác chiến tranh mang tính diễn giải.

iii. Nhà tù tối

Tập trung vào các địa danh liên quan đến lịch sử giam cầm, tra tấn và thực

thi công lý trong quá khứ. Những địa điểm này kết hợp giữa giáo dục lịch sử và sự tò mò về sự khổ sai. Ví dụ: Nhà tù Alcatraz (Mỹ) hay Nhà tù Hỏa Lò (Việt Nam). Theo Strange và Kempa (2005), những địa điểm này thường tạo ra sự mâu thuẫn giữa việc bảo tồn sự thật lịch sử và việc biến nỗi đau thành sản phẩm phục vụ du khách.

iv. Nơi an nghỉ tối

Đây là các nghĩa trang hoặc khu lăng mộ được quy hoạch thành điểm tham quan du lịch. Những điểm đến này mang tính tưởng niệm, lịch sử và nghệ thuật kiến trúc. Ví dụ: Nghĩa trang Père Lachaise (Pháp) hay Nghĩa trang Hàng Dương (Việt Nam). Seaton (2002) cho rằng đây là nơi du khách tìm kiếm sự kết nối với những nhân vật kiệt xuất hoặc các anh hùng dân tộc đã khuất.

v. Đền thờ tối

Đây là những địa danh được hình thành ngay tại hoặc gần nơi vừa xảy ra các thảm kịch hoặc cái chết của những nhân vật có tầm ảnh hưởng. Những điểm đến này có tính tôn nghiêm rất cao, thường mang tính chất tưởng niệm tức thời. Ví dụ: Khu vực đặt hoa tưởng niệm Công nương Diana hay các đài tưởng niệm nạn nhân của một vụ xả súng vừa xảy ra (Stone, 2006).

vi. Điểm xung đột/Diệt chủng

Nằm ở cực cuối của phổ, đây là những địa điểm thực tế (in-situ) xảy ra các thảm họa, chiến tranh hoặc diệt chủng trên quy mô lớn. Những điểm đến này có tính nguyên bản là yếu tố cốt lõi. Không gian mang đậm không khí tang thương, ít tính thương mại và tập trung tối đa vào giáo dục đạo đức. Ví dụ: Trại tập trung Auschwitz (Ba Lan) hoặc Cánh đồng chết

Choeung Ek (Campuchia). Hartmann (2014) khẳng định rằng tại các điểm đến này, “trải nghiệm tối” đạt mức cao nhất, buộc du khách phải đối diện trực tiếp với sự tàn khốc của nhân loại.

2.4. Các tiêu chí cốt lõi để phân chia độ đậm, nhạt trong du lịch tối

Theo Philip Stone (2006), các tiêu chí cốt lõi để phân chia độ đậm, nhạt theo mô hình Phổ du lịch tối bao gồm:

Bản chất của địa danh: Tiêu chí này xem xét tính xác thực và nguồn gốc của địa điểm du lịch. Tối nhạt thường là những địa điểm có tính giả định cao, là các sản phẩm được dàn dựng hoặc mô phỏng. Tối đậm thường là những địa điểm gắn liền với các sự kiện lịch sử có thật, mang tính xác thực cao về địa điểm và thời gian.

Mục đích của nhà quản lý: Tiêu chí này đánh giá định hướng mà đơn vị quản lý hoặc tổ chức muốn truyền tải thông qua địa danh đó. Các điểm đến tối nhạt mang tính thương mại cao, tập trung vào yếu tố giải trí và khơi gợi sự tò mò của du khách hơn là giá trị lịch sử thực tế. Tối trung bình là những điểm đến có sự kết hợp giữa giáo dục, tưởng niệm và sự can thiệp của thiết kế trưng bày. Tối đậm tập trung sâu vào giáo dục lịch sử, bảo tồn sự thật lịch sử và mục đích tưởng niệm những nhân vật hoặc anh hùng dân tộc đã khuất.

Cường độ cảm xúc của du khách: Tiêu chí này đo lường mức độ tác động của địa điểm đến tâm lý và cảm nhận của người tham quan. Tối nhạt là những điểm đến nơi mà cảm xúc du khách thường dừng lại ở mức độ tò mò, giải trí nhẹ nhàng. Những điểm đến tối đậm tạo ra cường độ

cảm xúc mạnh, thường là sự mâu thuẫn giữa việc bảo tồn sự thật lịch sử và nỗi đau, hoặc sự tìm kiếm kết nối sâu sắc với những nhân vật đã khuất.

III. Phương pháp nghiên cứu

Bài báo sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu kết hợp phân tích trường hợp điển hình.

- Nghiên cứu thu thập dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu ScienceDirect, Google Scholar với các từ khóa: “dark tourism”, “dark tourism spectrum”. Tiêu chí chọn tài liệu là các công trình được bình duyệt, tập trung vào khung lý thuyết của Stone và quản trị di sản.

- Nghiên cứu vận dụng logic thiết kế đa trường hợp của Yin (2018). Thay vì chọn mẫu thống kê, nghiên cứu sử dụng chiến lược tái lập lý thuyết thông qua việc lựa chọn các điểm đến đại diện cho các phân khúc khác nhau trên phổ du lịch tối: Trại tập trung Auschwitz-Birkenau (tối đậm), Đài tưởng niệm 11/9 (tối trung bình), và Chernobyl (tối nhạt).

IV. Kết quả nghiên cứu

4.1. Kinh nghiệm phát triển du lịch tối trên thế giới

4.1.1. Quản lý sự tôn nghiêm tại Trại tập trung Auschwitz-Birkenau (Ba Lan)

Auschwitz-Birkenau được coi là hình mẫu kinh điển cho loại hình du lịch tối đậm, nơi ranh giới giữa tham quan và hành lễ rất mong manh.

Auschwitz-Birkenau thiết lập “Vùng im lặng” nghiêm ngặt. Tại những khu vực nhạy cảm nhất như các phòng hơi ngạt, lò thiêu xác hoặc “bức tường chết” (nơi thực hiện các cuộc hành quyết), đơn vị quản lý áp dụng quy định im lặng tuyệt

đối. Điều này không chỉ là sự tôn trọng đối với người đã khuất mà còn tạo ra một không gian tâm lý đặc biệt, buộc du khách phải đối diện với sự tĩnh lặng đáng sợ, từ đó kích thích sự tự suy ngẫm sâu sắc về tội ác diệt chủng.

Bên cạnh đó, Auschwitz-Birkenau thực hiện chiến lược “Cá nhân hóa nỗi đau” qua hiện vật. Thay vì chỉ đưa ra những con số thống kê khô khan về hàng triệu nạn nhân, bảo tàng tập trung trưng bày các món hiện vật cá nhân: hàng ngàn đôi giày cũ, những chiếc kính gãy, vali có ghi tên chủ nhân, và đặc biệt là hàng tấn tóc giả của các nạn nhân. Cách tiếp cận này biến những nạn nhân vô danh thành những con người cụ thể với cuộc đời riêng, giúp du khách cảm nhận quy mô khủng khiếp của tội ác một cách trực quan và đau xót nhất.

Ngoài ra, hướng dẫn viên được đào tạo như những nhà giáo dục. Hướng dẫn viên tại đây không đơn thuần là người kể chuyện mà là những người truyền tải thông điệp lịch sử «Đừng bao giờ lặp lại», tập trung vào việc khơi gợi lòng trắc ẩn và trách nhiệm đạo đức của du khách.

4.1.2. Sự kết hợp giữa ký ức và tái thiết tại Ground Zero (Mỹ)

Khu tưởng niệm 11/9 tại New York là minh chứng cho việc sử dụng kiến trúc và công nghệ hiện đại để chuyển hóa một bi kịch cục bộ thành biểu tượng của sự hồi sinh và đoàn kết quốc tế.

Khu tưởng niệm có kiến trúc “Phản chiếu sự vắng mặt”. Hai hồ nước khổng lồ được xây dựng ngay trên nền tháp đôi cũ với dòng nước chảy liên tục xuống lòng đất sâu thẳm, tượng trưng cho nỗi đau không thể lấp đầy. Tên của các nạn nhân được khắc trên thành đồng, được làm ấm

vào mùa đông và làm mát vào mùa hè để người thân có thể chạm vào, tạo ra sự kết nối vật lý và cảm xúc trực tiếp.

Công nghệ tương tác được áp dụng để kể chuyện. Sather-Wagstaff (2011) nhận định rằng việc sử dụng các màn hình cảm ứng tương tác cho phép du khách tra cứu tiểu sử, nghe lại những đoạn ghi âm cuối cùng hoặc xem lại những câu chuyện cá nhân của từng nạn nhân. Công nghệ ở đây đóng vai trò là “công cụ chữa lành”, giúp du khách quốc tế dễ dàng thấu cảm và tìm thấy sự tương đồng với nỗi đau của chính mình, biến sự kiện 11/9 thành một thông điệp về sự đoàn kết toàn cầu chống lại bạo lực.

Biểu tượng của sự sống - “Cây sống sót” được bảo tồn. Việc bảo tồn một cây lê duy nhất sống sót sau vụ nổ và trồng lại tại khu tưởng niệm là một chiến lược quản lý hình ảnh thông minh, giúp cân bằng giữa bóng tối của quá khứ và ánh sáng của hy vọng tương lai.

4.1.3. Du lịch thảm họa và quản lý rủi ro tại Chernobyl (Ukraine)

Từ một khu vực bị cô lập sau thảm họa hạt nhân năm 1986, Chernobyl đã trở thành điểm đến thu hút lượng khách đột biến sau khi bộ phim truyền hình của HBO ra đời.

Ukraine đã thành công trong việc quản lý cách du khách quan sát vùng đất chết này. Thay vì tập trung vào sự hoảng sợ, các tour du lịch được thiết kế để du khách nhìn thấy sự tương phản giữa những tòa nhà đổ nát ở thị trấn ma Pripjat và sự trỗi dậy mạnh mẽ của hệ sinh thái tự nhiên. Đây trở thành một “bảo tàng ngoài trời” sống động về sai lầm của con người trong việc kiểm soát công nghệ và sức mạnh hồi sinh kỳ diệu của thiên nhiên.

Chernobyl cũng áp dụng quản lý rủi ro và an toàn nghiêm ngặt. Để phát triển du lịch bền vững tại một nơi còn tàn dư phóng xạ, quy trình an toàn được đặt lên hàng đầu. Du khách buộc phải đi theo những lộ trình cố định đã được khử trùng, sử dụng máy đo bức xạ cầm tay xuyên suốt hành trình và trải qua các chốt kiểm tra phóng xạ trước khi rời khỏi khu vực. Điều này tạo ra một trải nghiệm du lịch đầy kịch tính nhưng vẫn đảm bảo tính khoa học và an toàn.

Bên cạnh đó, qua việc tham quan nhà máy điện hạt nhân và các khu dân cư bị bỏ hoang, du khách không chỉ thỏa mãn sự tò mò về thảm họa mà còn được giáo dục về trách nhiệm của con người đối với môi trường và những hậu quả thảm khốc của sự chủ quan trong khoa học kỹ thuật.

4.2. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Việt Nam sở hữu bề dày lịch sử và mạng lưới di sản đồ sộ có tiềm năng lớn cho du lịch tối, từ hệ thống nhà tù (Hỏa Lò, Côn Đảo, Sơn La), các chứng tích chiến tranh (Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh, Sơn Mỹ), đến các khu tưởng niệm và nghĩa trang liệt sĩ (Hàng Dương, Trường Sơn). Tuy nhiên, nếu xét trên Phổ du lịch tối của Stone, phần lớn các điểm đến tại Việt Nam hiện đang nằm ở mức “tối trung bình” đến “tối nhạt” (chủ yếu là bảo tàng, triển lãm, không gian diễn giải được phục dựng). Từ việc phân tích mô hình “Phổ du lịch tối” của Philip Stone (2006) và thực tiễn tại các quốc gia, Việt Nam có thể rút ra một số bài học nhằm nâng cao chất lượng quản lý và khai thác du lịch tối.

Thứ nhất, định vị chính xác vị trí của địa danh trên phổ du lịch tối để thiết lập mục tiêu quản lý phù hợp. Các đơn vị quản

trị cần dựa vào ba tiêu chí cốt lõi: bản chất địa danh, mục đích quản lý và cường độ cảm xúc của du khách để xác định điểm đến thuộc loại hình nào. Ví dụ, với các di tích như Nhà tù Hỏa Lò, cần cân bằng giữa tính “tối đậm” của lịch sử giam cầm với nhu cầu tìm hiểu của du khách, tránh việc thương mại hóa quá mức dẫn đến mâu thuẫn giữa bảo tồn sự thật lịch sử và việc biến nổi đau thành sản phẩm phục vụ du lịch.

Thứ hai, áp dụng chiến lược “ cá nhân hóa nổi đau ” và thiết lập các không gian tôn nghiêm. Kinh nghiệm từ Auschwitz-Birkenau cho thấy hiệu quả của việc sử dụng các hiện vật cá nhân cụ thể như giày dép hay kỷ vật của nạn nhân để khơi gợi sự thấu cảm trực quan về quy mô tội ác. Đối với các nghĩa trang như Hàng Dương, việc quy hoạch không chỉ dừng lại ở kiến trúc mà còn cần chú trọng tạo ra các “Vùng im lặng” (Silence zones) để du khách tìm kiếm sự kết nối tâm linh sâu sắc với những anh hùng dân tộc đã khuất. Đây là cách tiếp cận giúp tăng cường cường độ cảm xúc - yếu tố quan trọng để phân biệt giữa một điểm đến giải trí thuần túy và một không gian tưởng niệm thực thụ.

Thứ ba, tích hợp công nghệ hiện đại làm công cụ truyền tải thông điệp nhân văn và chữa lành. Học tập mô hình của Ground zero (Mỹ), Việt Nam nên ứng dụng các màn hình tương tác hoặc công nghệ thực tế ảo để kể lại những câu chuyện cá nhân trong lịch sử chiến tranh. Điều này không chỉ giúp hiện đại hóa trải nghiệm tại các bảo tàng hay triển lãm tối mà còn biến các sự kiện bi kịch cục bộ thành những thông điệp có sức lan tỏa toàn cầu về hòa bình. Công nghệ đóng vai trò là cầu nối giúp du khách, đặc biệt

là thế hệ trẻ và khách quốc tế, dễ dàng tiếp cận và cảm nhận các giá trị học thuật vốn thường bị coi là khô khan.

Cuối cùng, chú trọng công tác quản trị rủi ro và đạo đức trong du lịch. Việc phát triển du lịch tối tại các địa danh có tính xác thực cao luôn tiềm ẩn những nhạy cảm về mặt văn hóa và đạo đức. Việt Nam cần xây dựng các quy trình quản lý hành vi du khách nghiêm ngặt để đảm bảo sự tôn trọng đối với địa danh, đồng thời bảo vệ các giá trị di sản khỏi sự xâm hại của các yếu tố giải trí tiêu cực. Sự kết hợp giữa giáo dục lịch sử và quản lý chuyên nghiệp sẽ tạo ra hướng đi bền vững, giúp du lịch tối không chỉ là hoạt động tham quan mà còn là một hành trình giáo dục nhân cách và lòng yêu nước.

V. Kết luận

Nghiên cứu khẳng định du lịch tối không phải là một khái niệm đơn nhất mà là một phổ trải nghiệm biến thiên dựa trên bản chất địa danh, mục đích quản lý và cường độ cảm xúc của du khách theo mô hình của Philip Stone (2006). Du lịch tối tại Việt Nam có tiềm năng rất lớn nhưng đòi hỏi sự tinh tế trong quản lý. Việc học tập kinh nghiệm quốc tế về cách cân bằng giữa tính thương mại và sự tôn nghiêm, giữa giáo dục và giải trí sẽ giúp Việt Nam nâng tầm các di tích lịch sử thành những điểm đến mang tính toàn cầu.

Tài liệu tham khảo

- Dalton, D. (2015). *Dark tourism and crime*. Routledge.
- Foley, M., & Lennon, J. J. (1996). Editorial: Heart of darkness. *International Journal of Heritage Studies*, 2(4), 198-211.
- Hartmann, R. (2014). Dark tourism, thanatourism, and dissonance in heritage tourism management. *Journal of Heritage Tourism*, 9(2), 166-182. doi :10.1080/1743873X.2013.807266.
- Lennon, J., & Foley, M. (2000). *Dark Tourism: The attraction of death and disaster*. Continuum.
- Mowatt, R. A., & Chancellor, C. H. (2011). Visitation to former sites of atrocity: Exploring the impact of African American heritage sites on visitors. *Journal of Heritage Tourism*, 6(3), 191-212.
- Robb, E. M. (2009). Violence and recreation: Vacationing in the realm of dark tourism. *Anthropology and Humanism*, 34(1), 51-60.
- Sather-Wagstaff, J. (2011). *Heritage that hurts: Tourists in the memoryscapes of September 11*. Ashgate Publishing.
- Seaton, A. V. (2002). Thanatourism's final frontiers. *Tourism Recreation Research*, 27(2), 73-82. <https://doi.org/10.1080/02508281.2002.11081223>.
- Sharpley, R., & Stone, P. R. (Eds.). (2009). *The darker side of travel: The theory and practice of dark tourism*. Channel View Publications.
- Stone, P. R. (2006). A dark tourism spectrum: Towards a typology of death and macabre related tourist sites, attractions and exhibitions. *CULTUR: Revista de Cultura e Turismo*, 10(1), 145-160.
- Stone, P. R. (2012). Dark tourism and significant other death: Contemporary themes and issues. In *The Oxford Handbook of the Sociology of Death and Dying* (pp. 467-478). Oxford University Press.
- Strange, C., & Kempa, M. (2005). Shades of dark tourism: Alcatraz and Robben Island. *Annals of Tourism Research*, 32(2), 386-405
- Tarlow, P. E. (2005). Dark tourism: The appealing 'dark' side of tourism and more. In M. Novelli (Ed.), *Niche tourism: Contemporary issues, trends and cases* (pp. 47-58). Elsevier.
- Yankovska, G., & Hannam, K. (2014). Dark and toxic tourism in the Chernobyl exclusion zone. *Current Issues in Tourism*, 17(10), 929-939.
- Yin, R. K. (2018). *Case study research and applications: Design and methods*. Sage.

DARK TOURISM DEVELOPMENT - INTERNATIONAL EXPERIENCES AND LESSONS FOR VIETNAM

Tran Thu Phuong¹

Abstract: *Dark tourism has increasingly emerged as a significant field of research in destination management, requiring a delicate balance between the utilization of sites associated with suffering and the preservation of humanistic and ethical values. This study applies Philip Stone's (2006) theoretical framework of the Dark tourism spectrum to analyze the core criteria that distinguish varying degrees of "darkness" among tourism destinations. Using a literature review and case study analysis, the paper examines several successful experiences in the management of dark tourism in Poland, the United States, and Ukraine. Based on these findings, the study proposes key lessons for Vietnam on developing dark tourism in a manner that ensures ethical integrity, solemnity, and the enhancement of visitors' emotional and reflective experiences.*

Keywords: *dark tourism, Philip Stone, dark tourism spectrum, international experiences, Vietnam*

¹ Hanoi Open University, Hanoi, Vietnam